

Lào Cai, ngày 29 tháng 7 năm 2022

Số: 24/2022/QĐST-DS

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LÀO CAI, TỈNH LÀO CAI**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 21 tháng 7 năm 2022 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 15/2022/TLST-DS ngày 21 tháng 3 năm 2022.

**XÉT THẤY:**

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:**

**- Nguyên đơn:**

1. Bà Trần Thị Mai H, sinh năm 1969, Địa chỉ: Số nhà N, phố S, tổ 2, phường K, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Ánh Song, địa chỉ: Số nhà 356, đường H, phường K, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.

**- Bị đơn:** Ông Trần Trọng Ngh, sinh năm 1974, địa chỉ: SN B, Đường H, Phường K, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.

**Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

- Ông Trần Quốc Q, sinh năm 1959, địa chỉ: Số nhà A, đường T, tổ 17, phường B, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai. Ông Trần Quốc Q đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Thị D, sinh năm 1952, địa chỉ: Tổ dân phố C, thị trấn E, huyện Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk.

-Bà Trần Thị H3, sinh năm 1967, địa chỉ: Số nhà S, phố T, tổ 5, phường K, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.

-Bà Lưu Thị O, sinh năm 1958, địa chỉ: Số nhà P, đường H, tổ 2, phường K, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.

-Chị Trần Thị Thùy L, sinh năm 1981, địa chỉ: Số nhà Q, đường L, tổ 26, phường K, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.

-Ông Trần Quốc U, sinh năm 1955, địa chỉ: Số nhà 160, đường L, tổ 27, phường K, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.

-Bà Trần Thị H4, sinh ngày 20/9/1962, địa chỉ: Số nhà 034, đường N, tổ 12, phường K, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.

-Bà Trần Thị H2, sinh năm 1964, địa chỉ: Số nhà 021, phố S, tổ 2, phường K, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai

-Chị Trần Thị Q, sinh năm 1983, địa chỉ: Số nhà 462, đường H, tổ 2, phường K, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.

- Anh Trần Quốc N, sinh năm 1979, địa chỉ: Số nhà 462, đường H, tổ 2, phường K, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.

-Bà Nguyễn Thị Thu H1, sinh năm 1974, địa chỉ: Số nhà B, đường H, phường K, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai

**Người đại diện theo ủy quyền** của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Trần Quốc N, chị Trần Thị Thùy L, Bà Lưu Thị O, ông Trần Quốc U, bà Trần Thị H2, bà Trần Thị H4, chị Trần Thị Q: Ông Đỗ Ánh Song, địa chỉ: Số nhà 356, đường H, phường K, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.

**Người đại diện theo ủy quyền** của bà Nguyễn Thị Thu H1: Ông Trần Trọng Ngh, địa chỉ: SN B, Đường H, Phường K, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.

## 2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1.Di sản của cụ Vũ Thị M sinh năm 1931, chết ngày 06/7/2013 là: ½ thửa đất số 090, tờ bản đồ P9-02, diện tích 64 m<sup>2</sup> (Đo thực tế là 63.3m<sup>2</sup>) đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ bà Vũ Thị M, địa chỉ: Tổ 3 (nay là tổ 2) phường K, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai, giá trị là: 2.342.100.000 đồng/2 = 1.171.050.000 đồng (Một tỷ một trăm bảy một triệu không trăm năm mươi nghìn đồng) và tầng 01, 2 của 01 căn nhà xây cấp IV, 4 tầng gắn liền trên đất (nhà 02 tầng xây dựng năm 1999, được ông Trần Trọng Ngh sửa chữa, tôn tạo lại năm 2015 thành nhà 04 tầng, sau khi trừ các chi phí sửa chữa, tôn tạo, có giá trị còn lại: 232.950.000 đồng).

Phần tài sản do ông Trần Trọng Ngh được sở hữu bao gồm: ½ thửa đất số 090, tờ bản đồ P9-02, diện tích 64 m<sup>2</sup> (Đo thực tế là 63.3m<sup>2</sup>) đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ bà Vũ Thị M, địa chỉ: Tổ 3 (nay là tổ 2) phường K, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai, giá trị là: 2.342.100.000 đồng/2 = 1.171.050.000 đồng (Một tỷ một trăm bảy một triệu không trăm năm mươi nghìn đồng); Tầng 03,4 của căn nhà xây cấp 4 và phần chi phí tôn tạo, sửa chữa căn nhà. Tổng giá trị phần nhà và đất không thuộc di sản thừa kế giao cho vợ chồng ông Trần Trọng Ngh và bà Nguyễn Thị Thu H1 là 1.817.995.000 đồng.

2.2 Về chia di sản thừa kế: Tổng giá trị di sản thừa kế của cụ Vũ Thị M, sinh năm 1931, chết ngày 06/7/2013 là 1.404.000.000 đồng (Một tỷ bốn trăm lẻ bốn triệu đồng). Được chia cho chín người con của cụ My là: Ông Trần Quốc U, Ông Trần Quốc Th (chết năm 2020, phân thừa kế của ông Th do vợ ông Th là bà Lưu Thị O và các con là anh Trần Quốc N, chị Trần Thị Q và chị Trần Thị Thùy L nhận); ông Trần Quốc Q, bà Trần Thị H2, bà Trần Thị H4, bà Trần Thị H3, bà Trần Thị Mai H, ông Trần Trọng Ngh, bà Đỗ Thị D. Cụ thể như sau:

- Bà Trần Thị Mai H được hưởng di sản thừa kế do cụ Vũ Thị M, sinh năm 1931 để lại là 1/9 giá trị di sản, quy thành tiền là 156.000.000 đồng (*Một trăm năm mươi sáu triệu đồng chẵn*).

- Ông Trần Quốc Thịnh được hưởng di sản thừa kế do cụ Vũ Thị M, sinh năm 1931 để lại là 1/9 giá trị di sản, quy thành tiền là 156.000.000 đồng (*Một trăm năm mươi sáu triệu đồng chẵn*). Do ông Trần Quốc Th đã chết năm 2020, và các con ông Th là chị Trần Thị Q, anh Trần Quốc N, chị Trần Thị Thùy L có văn bản tặng cho phần thừa kế cho mẹ là bà Lưu Thị O nên phần thừa kế của ông Th được giao cho bà Lưu Thị O (Vợ ông Th) quản lý, sử dụng.

- Ông Trần Quốc Q được hưởng di sản thừa kế do cụ Vũ Thị M, sinh năm 1931 để lại là 1/9 giá trị di sản, quy thành tiền là 156.000.000 đồng (*Một trăm năm mươi sáu triệu đồng chẵn*).

- Ông Trần Quốc U được hưởng di sản thừa kế do cụ Vũ Thị M, sinh năm 1931 để lại là 1/9 giá trị di sản, quy thành tiền là 156.000.000 đồng (*Một trăm năm mươi sáu triệu đồng chẵn*).

- Bà Trần Thị H2 được hưởng di sản thừa kế do cụ Vũ Thị M, sinh năm 1931 để lại là 1/9 giá trị di sản, quy thành tiền là 156.000.000 đồng (*Một trăm năm mươi sáu triệu đồng chẵn*).

- Bà Trần Thị H3 được hưởng di sản thừa kế do cụ Vũ Thị M, sinh năm 1931 để lại là 1/9 giá trị di sản, quy thành tiền là 156.000.000 đồng (*Một trăm năm mươi sáu triệu đồng chẵn*).

- Bà Trần Thị H4 được hưởng di sản thừa kế do cụ Vũ Thị M, sinh năm 1931 để lại là 1/9 giá trị di sản, quy thành tiền là 156.000.000 đồng (*Một trăm năm mươi sáu triệu đồng chẵn*).

- Bà Đỗ Thị D được hưởng di sản thừa kế do cụ Vũ Thị M, sinh năm 1931 để lại là 1/9 giá trị di sản, quy thành tiền là 156.000.000 đồng (*Một trăm năm mươi sáu triệu đồng chẵn*).

- Ông Trần Trọng Ngh được hưởng di sản thừa kế do cụ Vũ Thị M, sinh năm 1931 để lại là 1/9 giá trị di sản, quy thành tiền là 156.000.000 đồng (*Một trăm năm mươi sáu triệu đồng chẵn*).

Do ông Trần Trọng Ngh có nhu cầu sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất, nên ông Ngh có trách nhiệm thanh toán phần di sản bằng tiền cho các đồng thừa kế, mỗi người 156.000.000 đồng (*Một trăm năm mươi sáu triệu đồng*), thời gian giao tiền là sau 40 ngày kể từ ngày 25/7/2022.

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Bà Trần Thị Mai H và ông Trần Trọng Ngh mỗi người phải chịu một nửa tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, tổng số tiền là 22.473.000 đồng (*Hai mươi hai triệu bốn trăm bảy mươi ba nghìn đồng*). Cụ thể: Bà Trần Thị Mai H phải chịu 11.236.500 đồng, Ông Trần Trọng Ngh phải chịu 11.236.500 đồng. Xác nhận bà Trần Thị Mai H đã nộp toàn bộ số tiền tạm ứng chi phí tố tụng, do đó ông Trần Trọng Ngh có nghĩa vụ thanh toán phần tiền chi phí tố tụng cho bà Trần Thị Mai H, số tiền 11.236.500 đồng (*Mười một triệu hai trăm ba mươi sáu nghìn đồng*).

*Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.*

#### 2.4. Về án phí:

Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Trần Quốc U, Ông Trần Quốc Q, bà Lưu Thị O và bà Đỗ Thị D do là người cao tuổi theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và điều 2 Luật người cao tuổi.

Ông Trần Trọng Ngh phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 35.609.925 đồng (*Ba mươi lăm triệu sáu trăm lẻ chín nghìn chín trăm hai mươi lăm đồng*).

Bà Trần Thị Mai H, bà Trần Thị H2, bà Trần Thị H4, bà Trần Thị H3 mỗi người phải chịu 3.900.000 đồng (Ba triệu chín trăm nghìn đồng). Do bà Trần Thị Mai H nhận chịu toàn bộ phần án phí của những người có liên quan nên bà Trần Thị Mai H phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 15.600.000 đồng (Mười lăm triệu sáu trăm nghìn đồng). Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm bà Trần Thị Mai Hiền đã nộp 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng) theo biên lai ký hiệu AC-21P số 0001389 ngày 18/3/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai. Bà Hiền còn phải nộp số tiền 3.600.000 đồng (*Ba triệu sáu trăm nghìn đồng*).

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**4.** Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

#### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh (1);
- VKSND (3);
- THADS (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu hồ sơ vụ án (1)
- Lưu văn phòng (1).

**THẨM PHÁN**

**(Đã ký)**

**Lý Thị Minh Yên**

